

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NAM TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 32/2024/KDTM-ST

Ngày: 17/5/2024;

V/v: Tranh chấp phát sinh từ hoạt
động kinh doanh thương mại;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lệ Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Minh; Ông Phạm Minh Thân;

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thùy Trang - Thư ký Toà án nhân dân
quận Nam Từ Liêm.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia
phiên tòa:** Ông Nguyễn Việt Cường – Kiểm sát viên;

Ngày 17 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Nam Từ Liêm,
thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại
thụ lý số: 84/2023/TLST-KDTM ngày 22 tháng 11 năm 2023, về việc: Tranh
chấp phát sinh từ hoạt động kinh doanh thương mại, theo Quyết định đưa vụ
án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST-KDTM ngày 04/3/2024; Quyết định hoãn
phiên tòa số: 40/2024/QĐST-KDTM ngày 25/3/2024; Quyết định tạm ngừng
phiên tòa số: 03/2024/QĐST-KDTM ngày 17/4/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH T4 (Tên viết tắt là: Công ty T4); Địa chỉ
trụ sở: Số G T, phường H, quận T, thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Xuân H; Chức vụ: Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Duy H1 và ông Phan Viết N;

Địa chỉ: Số F, ngõ H L, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội (Theo giấy ủy
quyền của Công ty TNHH T4 ngày 25/10/2023); (Ông H1, ông N có mặt)

Bị đơn: Công ty cổ phần C (Viết tắt là: Công ty C); Địa chỉ trụ sở:
Tầng A T, lô HH2-1, khu đô thị M, đường P, phường M, quận N, thành phố
Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Môn B; Chức vụ: Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đỗ Quang H2**; Chức vụ: Trưởng phòng Tài chính – Kế toán kiêm Kế toán trưởng (Theo Văn bản ủy quyền số: 01/2024/UQ-GD.FPT ngày 03/01/2024 của **Công ty cổ phần C**); (Ông **H2** có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Chí Danh T**; Sinh năm: 1984; Đội trưởng đội thi công số 02, **Công ty cổ phần C**; Địa chỉ trụ sở: **Tầng A T, Lô H, khu đô thị M, đường P, phường M, quận N, thành phố Hà Nội**;

(Ông **T** vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/8/2023, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 25/10/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện **Công ty TNHH T4**, là Nguyên đơn trình bày:* Do **Công ty cổ phần C** (Tên viết tắt là: **Công ty C**) thường xuyên đi công tác bằng đường hàng không nên thường xuyên mua vé máy bay của **Công ty T4**, vì vậy, **Công ty C** có cử ông **Nguyễn Chí Danh T** là đội trưởng đội thi công số 02 của **Công ty C** đại diện đến **Công ty T4** trao đổi về việc có nhu cầu mua vé máy bay với đại lý bán vé máy bay **Hoàng Minh T1** là đại lý bán vé máy bay cho **Công ty T4** để mua vé cho công nhân đi thi công công trình, cụ thể số lần mua vé máy bay như sau: .

- Ngày 30/7/2020 ông **T** có đặt mua 01 vé máy bay khứ hồi đi thành phố Hồ Chí Minh – Hà Nội với số tiền là: 3.342.000 đồng;

- Ngày 26/8/2020 ông **T** có đặt mua vé máy bay với số tiền là: 3.452.000 đồng;

- Ngày 02/5/2020 ông **T** có đặt mua 01 vé máy bay khứ hồi đi thành phố Hồ Chí Minh – Hà Nội với số tiền là: 2.850.000 đồng;

- Trong tháng 12/2020 ông **T** đã đặt 07 vé máy bay với số tiền là: 7.010.000 đồng;

- Trong tháng 01/2021 ông **T** đã đặt 28 vé máy bay và tiền đổi vé, hành lý, tiền chênh lệch đặt lại vé với số tiền là: 52.870.000 đồng;

- Tháng 02 và tháng 03/2021 ông **T** đã đặt mua 22 vé máy bay với số tiền là: 18.517.000 đồng;

- Tháng 04/2021 ông **T** đã đặt mua 13 vé máy bay với số tiền là: 17,709,900 đồng;

- Tháng 05/2021 ông **T** đã đặt mua 05 vé máy bay với số tiền là: 5,756,000 đồng

- Tháng 06/2021 ông T đã đặt mua 14 vé máy bay với số tiền là: 13,922,900 đồng

Tháng 07/2021 ông T đã đặt mua 07 vé máy bay với số tiền là: 7.349.000 đồng;

Tổng cộng ông T đã mua 102 vé máy bay với tổng số tiền là: 137.556.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm ba mươi bảy triệu, năm trăm năm mươi sáu nghìn đồng*). Sau khi mua vé máy bay ông T có yêu cầu Công ty B1 Trần xuất hóa đơn về Công ty C để thanh toán, vì vậy Công ty T4 đã xuất tổng cộng 15 hóa đơn cho Công ty C, tổng cộng số tiền xuất trên hóa đơn là: 137.556.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm ba mươi bảy triệu, năm trăm năm mươi sáu nghìn đồng*).

Do có sự tin tưởng rất nhiều lần ông T đã đặt mua vé máy bay của Công ty T4 và đều thanh toán đầy đủ nên Công ty T4 đã cho ông T khát nợ rất lâu mặc dù phía Công ty T4 cũng nhiều lần thúc giục ông T trả tiền nhưng ông T vẫn khát nợ. Đến khoảng tháng 9, tháng 10 năm 2021 Công ty T4 đã liên lạc rất nhiều lần với ông T nhưng đều không liên lạc được với ông T, vì vậy Công ty T4 đã đến làm việc với Công ty C trực tiếp với ông B là Giám đốc và ông H2 là kế toán trưởng Công ty C và ông T nhưng Công ty C có trả lời sẽ họp đề lên phương án trả nợ cho Công ty T4. Nhưng đến nay Công ty T4 vẫn chưa nhận được sự phản hồi nào từ phía Công ty C. Vì vậy, Công ty T4 khởi kiện Công ty C như sau:

Đề nghị Tòa án buộc Công ty cổ phần C phải thanh toán cho Công ty TNHH T4 tổng số tiền: 137.556.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm ba mươi bảy triệu, năm trăm năm mươi sáu nghìn đồng*), là tiền Công ty FECON mua vé máy bay của Công ty T4.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện Công ty cổ phần C và xây dựng FECON, là Bị đơn trình bày như sau: Công ty C sau khi làm việc với Công ty T4 cũng đã rà soát và thấy rằng có nhiều nhân viên của Công ty C mua vé máy bay của Công ty TNHH T4. Việc mua vé máy bay của Công ty T4 là do cá nhân ông T là Đội trưởng đội thi công công trình số 02 của Công ty C. Việc ông T sau khi mua vé máy bay đề nghị Công ty B1 Trần xuất hóa đơn để mang về Công ty C thanh toán, Công ty C xác nhận có nhận của ông T tổng cộng 15 hóa đơn GTGT do Công ty B1 Trần xuất cho Công ty C.

Công ty C khẳng định đã thanh toán cho ông T toàn bộ số tiền ghi trên hóa đơn ông T mua vé máy bay về thanh toán với Công ty C. Còn việc ông T đã nhận tiền nhưng không thanh toán cho Công ty T4 thì Công ty C không được

biết. Việc ông T mua vé máy bay của Công ty T4 như thế nào Công ty C không được biết và Công ty C cũng không ký hợp đồng với Công ty T4.

Nay Công ty T4 khởi kiện yêu cầu Công ty C phải thanh toán tổng số tiền: 137.556.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm ba mươi bảy triệu, năm trăm năm mươi sáu nghìn đồng*), là tiền ông T mua vé máy bay của Công ty T4, Công ty C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty T4 và đề nghị Tòa án đưa ông T vào tham gia tố tụng là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để buộc ông T phải có trách nhiệm thanh toán tiền cho Công ty T4 vì Công ty C đã thanh toán đầy đủ số tiền trên cho ông T. Theo hồ sơ chứng cứ của Công ty T4 cung cấp thì các hóa đơn bán vé máy bay do ông Nguyễn Chí D T đặt mua phát sinh đã rất lâu. Hóa đơn muộn nhất phát hành ngày 19/10/2021. Theo quy định tại Điều 274, khoản 2 Điều 420 của Bộ luật Dân sự và Điều 55 của Luật Thương mại hiện hành và theo thỏa thuận 03 bên tại Biên bản làm việc ngày 20/6/2023, Công ty C đã thực hiện xong phần nghĩa vụ thanh toán của mình, sau khi nhận được hóa đơn chứng từ do ông T nộp. Theo đó, Công ty C đã giao tiền cho ông T để ông T thanh toán cho các nhà cung cấp, đại lý,... trong đó có Công ty T4 và ông T phải trả cho Công ty T4 số tiền là 137 triệu đồng (*theo chữ ký xác nhận của tất cả các bên trong Biên bản*).

Qua rà soát số liệu sổ sách thì các Đội trưởng các đội thi công khác của Công ty C cũng mua vé máy bay tại Phòng vé của Công ty T4, cũng nộp hóa đơn chứng từ về Công ty C hoàn ứng/thanh toán như ông Nguyễn Chí Danh T và Công ty C1 cũng không nhận được bất kỳ đề nghị thanh toán hay đối chiếu công nợ từ Công ty T4 về bất kỳ lần mua bán của bất kỳ nhân sự nào, toàn bộ giá trị hóa đơn mua vé máy bay của Công ty T4 đều được Công ty C giao tiền cho Đội trưởng và Đội trưởng có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T4. Tương ứng với đó, tất cả các Đội trưởng (trừ ông T) đều đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T4. Chỉ riêng có ông T không hoàn thành nghĩa vụ và cũng không thông tin gì cho Công ty C được biết cho đến thời điểm ngày 30/5/2023.

Ngoài ra, trong Đơn đề nghị ngày 12/6/2023 của Công ty T4 cũng đã thể hiện rõ về việc Công ty T4 “có các tin nhắn, video xác nhận nợ của ông T” tức không phải là chứng cứ xác nhận nợ của Công ty C. Đồng thời, sau cuộc họp ngày 20/6/2023 cho đến nay, Công ty T4 cũng chỉ liên hệ với ông T để đòi nợ mà không hề liên hệ hay có bất cứ thông tin, yêu cầu xác nhận công nợ hoặc yêu cầu trả nợ nào đối với Công ty C. Điều này cho thấy Các Bên vẫn luôn thực hiện theo thỏa thuận cho đến khi Bảo Gia T2 thấy không đòi được tiền từ

ông **T** thì đã tự ý hủy bỏ thỏa thuận để kiện đòi tiền **Công ty C**. Đề nghị **Công ty T4** tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty chúng tôi, thực hiện theo thỏa thuận đã thống nhất ngày 20/6/2023 để buộc ông **T** trả nợ và rút đơn khởi kiện để đảm bảo uy tín của **Công ty C1**.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Chí Danh T, là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khai như sau: Liên quan đến hồ sơ vụ việc **Công ty TNHH B1** Trần kiện **Công ty cổ phần C**, tôi có ý kiến như sau: Nội dung: **Công ty cổ phần C** đã thanh toán cho ông **T** toàn bộ số tiền ghi trên hóa đơn mua vé máy bay của **Công ty T4** là sai. Tôi chưa nhận tiền thanh toán vé máy bay **Bảo Gia T2** của **Công ty cổ phần C**. Việc mua bán vé máy bay là phục vụ 02 dự án cụ thể của **Công ty C**: **Dự án Nhiệt điện V** (Khánh Hòa) và **Dự án M** (**T**, thành phố Hồ Chí Minh). Người bay là các lao động của **Công ty cổ phần C**. Thực tế **Công ty cổ phần C** đã thanh toán 01 đợt cho **Công ty T4**. Ý kiến của tôi là **Công ty T4** giảm giá và **Công ty cổ phần C** thanh toán nốt tiền vé máy bay cho **Công ty T4**. Tôi xin giải trình cụ thể: 02 công trình trên diễn ra vào đợt đại dịch COVID-19 năm 2020 và 2021, giãn cách rất căng thẳng, dự án thiệt hại nặng nề về kinh tế. Đề nghị 2 bên **Công ty H3** và giải quyết gọn vụ việc trên. Bản thân tôi đã đến trụ sở Tòa án lúc 14 giờ 30 phút ngày 04/3/2024 để xác nhận các nội dung trên.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn, Bị đơn vẫn giữ ý kiến đã trình bày ở trên, Ông **Nguyễn Chí Danh T**, là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của Kiểm sát viên đối với việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, đại diện **Công ty cổ phần C** giao nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh **Công ty C** đã thanh toán cho ông **Nguyễn Chí D** Tuấn toàn bộ số tiền vé máy bay ông **T** mua của **Công ty T4**, nhận thấy giữa hai Công ty không ký kết Hợp đồng, việc mua vé máy bay là giao dịch giữa cá nhân ông **T** với **Công ty T4**, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ **Công ty C** giao nộp, xác định **Công ty C** đã thanh toán toàn bộ số tiền ông **T** mua vé máy bay của **Công ty T4**, do đó **Công ty T4** khởi kiện đòi **Công ty C** thanh toán tiền vé máy bay ông **T** mua của **Công ty T4** là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của **Công ty T4** đối với **Công ty C** về việc đòi tiền mua vé máy bay của ông **T**. Giành quyền khởi kiện cho **Công ty T4** đối với ông **T** trong vụ án khác khi **Công ty T4** có yêu cầu đối với ông **T**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện ngày 08/8/2023 của Nguyên đơn: Công ty TNHH T4 đối với Bị đơn: Công ty cổ phần C, về việc: Tranh chấp phát sinh từ hoạt động kinh doanh thương mại;

Đây là vụ án Kinh doanh thương mại, tranh chấp phát sinh từ hoạt động kinh doanh thương mại; Bị đơn có địa chỉ trụ sở chính tại: Khu đô thị M, đường P, phường M, quận N, thành phố Hà Nội, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 và Điểm b Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ nhất, Bị đơn, Người đại diện của họ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa ngày 25/3/2024 là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, Hội đồng xét xử quyết định xét xử Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Tại phiên tòa ngày 17/4/2024, xét thấy cần thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ về việc thanh toán tiền vé máy bay giữa Công ty cổ phần C và xây dựng FECON với ông Nguyễn Chí Danh T do Công ty cổ phần C và xây dựng FECON, là Bị đơn giao nộp; Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để Bị đơn giao nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ, mà nếu không thực hiện thì không thể giải quyết được vụ án và không thể thực hiện được ngay tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa ngày 17/4/2024 là phù hợp với quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 259 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn không yêu cầu phản tố, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu độc lập.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Tại phiên tòa, đại diện Công ty TNHH T4, là Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với Bị đơn: Công ty cổ phần C, về việc: Đòi tiền mua vé máy bay. Nội dung yêu cầu

khởi kiện như sau: Đề nghị Tòa án buộc Công ty cổ phần C phải thanh toán cho Công ty TNHH T4 tổng số tiền Nợ gốc và tiền lãi do chậm thanh toán tính đến ngày 30/4/2024 là: 161.776.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm sáu mươi mốt triệu, bảy trăm bảy mươi sáu nghìn đồng), là tiền Công ty cổ phần C và xây dựng FECON mua vé máy bay của Công ty TNHH T4, trong đó:

- Nợ gốc là: 137.556.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm ba mươi bảy triệu, năm trăm năm mươi sáu nghìn đồng);

- Nợ lãi do chậm thanh toán theo lãi suất 8%/năm tính từ ngày 19/10/2021 đến ngày 30/4/2024 là: 24.220.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi bốn triệu, hai trăm hai mươi nghìn đồng);

Nhận thấy: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Đại diện Công ty T4 và Công ty C xác nhận: Công ty T4 với Công ty C không ký Hợp đồng, không có thỏa thuận nào giữa hai bên về việc mua bán vé máy bay; Ông T mua khi mua vé máy bay của Công ty T4 không có Giấy giới thiệu của Công ty C;

Đại diện Công ty C, là Bị đơn khai: “Công ty C sau khi làm việc với Công ty T4 cũng đã rà soát và thấy rằng có nhiều nhân viên của Công ty C mua vé máy bay của Công ty TNHH T4. Việc mua vé máy bay của Công ty T4 là do cá nhân ông T là Đội trưởng đội thi công công trình số 02 của Công ty C. Việc ông T sau khi mua vé máy bay đề nghị Công ty B1 Trần xuất hóa đơn để mang về Công ty C thanh toán, Công ty C xác nhận có nhận của ông T tổng cộng 15 hóa đơn GTGT do Công ty B1 Trần xuất cho Công ty C.” và “Công ty C khẳng định đã thanh toán cho ông T toàn bộ số tiền ghi trên hóa đơn ông T mua vé máy bay về thanh toán với Công ty C. Còn việc ông T đã nhận tiền nhưng không thanh toán cho Công ty T4 thì Công ty C không được biết. Việc ông T mua vé máy bay của Công ty T4 như thế nào Công ty C không được biết và Công ty C cũng không ký hợp đồng với Công ty T4. Tại Biên bản họp ngày 14/11/2022 tại Công ty C về việc: Khiển trách ông Nguyễn Chí Danh T – Đội trưởng đội thi công số 2, có mặt ông T, kết luận của cuộc họp có nội dung:

“1. Các vi phạm của ông Nguyễn Chí Danh T - Đội trưởng đội thi công số 2 trong năm 2022: ...Tình trạng nợ nhà cung cấp/Thầu phụ cũng chậm trễ, NCC/TP thường xuyên liên hệ đòi tiền. Tổng công nợ NCC/TP thống kê được là 1.4 tỷ đồng. Nợ các NCC quá lâu liên tục làm ảnh hưởng đến giám đốc và kế toán trưởng và công tác thuê mướn của Công ty với các đối tác đó.”. Tại cuộc họp, ông T cam kết như sau: “2. Cam kết của ông Nguyễn Chí Danh T

về thời điểm chi trả các khoản công nợ với NLD và NCC: Ông T cam kết thời gian chi trả cụ thể như các bảng danh sách công nợ đính kèm biên bản họp.” và “3. Chỉ đạo của giám đốc đối với ông Nguyễn Chí Danh T: Ông T phải thực hiện chi trả toàn bộ các khoản công nợ theo đúng cam kết...”

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có căn cứ để xác định: Công ty T4 bán vé máy bay cho ông Nguyễn Chí Danh T với tư cách cá nhân ông T, nên ông T phải có nghĩa vụ thanh toán tiền mua vé máy bay cho Công ty T4. Đại diện Công ty T4 cho rằng: Ông Nguyễn Chí Danh T là Đội trưởng đội thi công số 2, thuộc Công ty C mua vé máy bay của Công ty T4, Công ty C đã xuất Hóa đơn GTGT cho Công ty T4, nên Công ty C phải có nghĩa vụ thanh toán tiền ông T mua vé máy bay của Công ty T4, là không có căn cứ;

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T4 đối với Công ty C về việc: Đòi tổng số tiền nợ gốc mua vé máy bay và tiền lãi do chậm thanh toán tính đến ngày 30/4/2024 là: 161.776.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm sáu mươi một triệu, bảy trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Trường hợp Công ty T4 có tranh chấp đối với ông Nguyễn Chí D Tuấn/Ông Nguyễn Chí Danh T có tranh chấp đối với Công ty C về số tiền mua vé máy bay nêu trên, khi có yêu cầu khởi kiện sẽ được giải quyết trong một vụ án dân sự khác theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn không yêu cầu phản tố, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu độc lập, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Công ty T4 phải chịu 8.089.000 đồng (Bằng chữ: Tám triệu, không trăm tám mươi chín nghìn đồng) toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận; Được trừ vào số tiền 3.425.000 đồng (Bằng chữ: Ba triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí Công ty T4 đã nộp tại Chi cục thi hành án Dân sự quận Nam Từ Liêm; Công ty T4 còn phải nộp số tiền án phí dân sự là: 4.664.000 đồng (Bằng chữ: Bốn triệu, sáu trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 30; 35; 39; Khoản 1 Điều 147; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T4 đối với Công ty cổ phần C về việc: Đòi tổng số tiền nợ gốc mua vé máy bay và tiền lãi do chậm thanh toán tính đến ngày 30/4/2024 là: 161.776.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm sáu mươi một triệu, bảy trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*).

2. Về án phí: Công ty T4 phải chịu 8.089.000 đồng (*Bằng chữ: Tám triệu, không trăm tám mươi chín nghìn đồng*) toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm; Được trừ vào số tiền 3.425.000 đồng (*Bằng chữ: Ba triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí Công ty T4 đã nộp tại Chi cục thi hành án Dân sự quận Nam Từ Liêm (*Biên lai số 09134 ngày 22/11/2023*), Công ty T4 còn phải nộp số tiền án phí dân sự là: 4.664.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn triệu, sáu trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.Nam Từ Liêm;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Chi cục THADS Q.Nam Từ Liêm;
- Lưu HS-VP.

Đỗ Thị Lệ Thủy

